

Số: /TTr-UBND

Trà Tân, ngày tháng 7 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2026**

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân xã Trà Tân;
- Ban Kinh tế - Ngân sách xã Trà Tân.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 29 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4 /2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết: số 31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Bắc Trà My; số 26/NQ-HĐND ngày 06/9/2026 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 huyện Bắc Trà My;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Trà Tân năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 06/2/2026 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Trà Tân;

Để có cơ sở bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trong thời gian qua trên địa bàn xã gặp nhiều biến cố về thời tiết, gây ảnh hưởng không ít đến các công trình trên địa bàn cũng như sinh hoạt của người dân. Bên cạnh đó, song song với các nguồn vốn dồi dư từ các dự án chuyển tiếp thuộc các

Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; nguồn bố trí thanh toán khối lượng và bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 không sử dụng đến.

Nguyên tắc chung về cập nhật, bổ sung kế hoạch đầu tư công hằng năm và trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều 13, Luật Đầu tư công 2024, Luật Ngân sách nhà nước. Việc điều chỉnh phù hợp với các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và các quy hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế thừa Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân xã, những thay đổi về cơ chế phân bổ vốn của Trung ương, thành phố; những diễn biến nhanh chóng, khó lường về kinh tế xã hội tác động đến đời sống nhân dân trên địa bàn xã; ý kiến kiến nghị của cử tri và các cơ quan, ban, ngành thuộc xã, nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thứ tự ưu tiên:**

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4, Điều 54 của Luật Đầu tư công 2024. Trong đó, ưu tiên: Tiếp tục thực hiện các dự án khắc phục bão lũ, ổn định đời sống nhân dân; các dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn theo quy; bê tông hóa hệ thống GTNT trên địa bàn xã nhằm phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần phát triển KT-XH địa phương, xây dựng nông thôn mới,... Và do yêu cầu bổ sung danh mục thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.

### **II. Danh mục đề nghị điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2026:**

*(Chi tiết theo phụ lục 01, 02, 02.1 và 03 đính kèm)*

*Gửi kèm Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 17/7/2026*

Vậy, UBND xã kính trình HĐND xã và Ban Kinh tế - Ngân sách xem xét cho ý kiến để làm cơ sở thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PKT.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Chiến**

**PHỤ LỤC 01**

**BỔ SUNG DANH MỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2026 VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TỪ NGHỊ QUYẾT 03/NQ-HĐND NGÀY 06/02/2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TRÀ TÂN**

*(Kèm theo Tờ trình số        /TTr-UBND ngày        /7/2026 của UBND xã Trà Tân)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

| Stt       | Tên dự án/ công trình                                         | Địa điểm       | Năm thực hiện | Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND | Tổng mức sau điều chỉnh | Dự kiến TMBĐT/ Cơ cấu nguồn vốn |                  |                |                  | Quy mô xây dựng                                                                                      | Quy mô xây dựng điều chỉnh                                                                                           | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------------------|----------------|---------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|------------------|----------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                               |                |               |                                     |                         | Tổng                            | NSTW             | NSTP           | NS Xã            |                                                                                                      |                                                                                                                      |         |
| <b>I</b>  | <b>Điều chỉnh tổng mức, quy mô đầu tư</b>                     |                |               | <b>2.200,000</b>                    | <b>2.939,000</b>        | <b>2.939,000</b>                | <b>-</b>         | <b>-</b>       | <b>2.939,000</b> |                                                                                                      |                                                                                                                      |         |
| 1         | Nâng cấp, mở rộng CSV trường Mẫu giáo Vành Khuyên             | Thôn Ngọc Giác | 2026          | 2.200,000                           | 2.939,000               | 2.939,000                       |                  |                | 2.939,000        | Xây mới khối nhà 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng tin, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng GDNT thành | Xây mới khối 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng GDNT, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng tin, và các hạng mục phụ trợ. |         |
| <b>II</b> | <b>Bổ sung danh mục Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025</b> |                |               | <b>4.050,000</b>                    | <b>3.404,000</b>        | <b>3.404,000</b>                | <b>1.575,501</b> | <b>975,578</b> | <b>536,408</b>   |                                                                                                      |                                                                                                                      |         |
| 2         | Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Linh, thôn Ngọc Giác              | Thôn Ngọc Giác | 2026          | 2.100,000                           | 2.200,000               | 2.200,000                       | 1.021,661        | 658,748        | 203,078          | Xây mới tuyến đường BTXM dài 200m                                                                    | Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 450m                                                                             |         |
| 3         | Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác                     | Thôn Ngọc Tu   | 2026          | 1.100,000                           | 354,000                 | 354,000                         | 162,840          | 24,490         | 166,670          | Xây mới 01 cầu bê tông dài khoảng 25m, rộng 5m                                                       | Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 80m và các hạng mục phụ trợ trên tuyến                                           |         |
| 4         | Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa                | Thôn Nước Oa   | 2026          | 850,000                             | 850,000                 | 850,000                         | 391,000          | 292,340        | 166,660          | Đầu tư mới khoảng 2.000m đường điện với khoảng cách 40m/trụ                                          | Đầu tư mới khoảng 2.000m đường điện với                                                                              |         |

| Stt | Tên dự án/ công trình                                                                                                                                                    | Địa điểm       | Năm thực hiện | Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND | Tổng mức sau điều chỉnh | Dự kiến TMDT/ Cơ cấu nguồn vốn |      |            |           | Quy mô xây dựng                                                                                                                                                                                                             | Quy mô xây dựng điều chỉnh | Ghi chú                                                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|-------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|------|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                          |                |               |                                     |                         | Tổng                           | NSTW | NSTP       | NS Xã     |                                                                                                                                                                                                                             |                            |                                                           |
|     |                                                                                                                                                                          |                |               |                                     |                         |                                |      |            |           |                                                                                                                                                                                                                             | khoảng cách 40m/trụ        |                                                           |
| II  | Bổ sung danh mục Chương trình MTQG năm 2026                                                                                                                              |                |               | 16.500,000                          | 21.000,000              | 21.000,000                     | -    | 17.850,000 | 3.150,000 |                                                                                                                                                                                                                             |                            |                                                           |
| 5   | Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng                                                                                                                    | Thôn Ngọc Giác | 2026          | 16.500,000                          | 21.000,000              | 21.000,000                     |      | 17.850,000 | 3.150,000 | Nhà ở bán trú; Nhà công vụ; Khối hành chính quản trị; Khối học tập, hỗ trợ học tập; các hạng mục phụ trợ khác                                                                                                               |                            |                                                           |
| 6   | Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026                                                                                                                                   | Xã Trà Tân     | 2026          | 0                                   | 0                       | 1.000,000                      |      | 1.000,000  | 150,000   |                                                                                                                                                                                                                             |                            | Quyết định 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố |
| III | Bổ sung danh mục ngân sách thành phố                                                                                                                                     |                |               | 3.880,000                           | 4.800,000               | 4.800,000                      | -    | 4.500,000  | 300,000   |                                                                                                                                                                                                                             |                            |                                                           |
| 7   | Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bờ sông bảo vệ tuyến đường ĐH4 (Km0+900 -:- Km0+952 và Km2+200 -:- Km2+264) | Thôn Ngọc Tu   | 2026          | 2.280,000                           | 2.800,000               | 2.800,000                      |      | 2.604,000  | 182,280   | - Kè rọ đá bảo vệ tuyến đường ĐH4 đoạn từ (Km0+900 -:- Km0+952) chiều dài kè khoảng 52m, loại rọ (2x1x0,5)m.<br>- Kè rọ đá bảo vệ tuyến đường ĐH4 đoạn từ (Km2+200 -:- Km2+264) chiều dài kè khoảng 64m, loại rọ (2x1x0,5)m |                            | Quỹ phòng chống thiên tai                                 |

| Stt | Tên dự án/ công trình                                                                                                                                  | Địa điểm       | Năm thực hiện | Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND | Tổng mức sau điều chỉnh | Dự kiến TMDT/ Cơ cấu nguồn vốn |      |           |         | Quy mô xây dựng                                                                                                                                                                | Quy mô xây dựng điều chỉnh | Ghi chú                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|-------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|------|-----------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
|     |                                                                                                                                                        |                |               |                                     |                         | Tổng                           | NSTW | NSTP      | NS Xã   |                                                                                                                                                                                |                            |                           |
| 8   | Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bảo vệ trường TH Trần Cao Vân và trường THCS Lý Tự Trọng) | Thôn Ngọc Giác | 2026          | 1.600,000                           | 2.000,000               | 2.000,000                      |      | 1.896,000 | 117,720 | - Kè rọ đá bảo vệ trường TH Trần Cao Vân chiều dài kè khoảng 80m, loại rọ (2x1x0,5)m.<br>- Kè rọ đá bảo vệ trường THCS Lý Tự Trọng chiều dài kè khoảng 64m, loại rọ (2x1x0,5)m |                            | Quỹ phòng chống thiên tai |

**PHỤ LỤC 02**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỪNG THỰC HIỆN DO VƯỚNG MẶT BẰNG; CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN A-B, KIỂM TOÁN,**  
**QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH**

(Kèm theo Tờ trình số      /TTr-UBND ngày      /7/2026 của UBND xã Trà Tân)

*Đơn vị tính: Đồng.*

| Stt      | Danh mục công trình                                                                                                               | Khối lượng thực hiện đến nay | Kế hoạch vốn đã bố trí đến nay | Luỹ kế giải ngân đến nay | KH vốn còn lại       | KH vốn dư sau khi quyết toán | Ghi chú                  |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------------|--------------------------|
| 1        | 2                                                                                                                                 | 3                            | 4                              | 5                        | 6 = 4 - 5            | 7 = 4 - 3                    |                          |
| <b>I</b> | <b>Nguồn vốn dư do dừng thực hiện và các dự án đã quyết toán</b>                                                                  |                              |                                |                          |                      |                              |                          |
|          | <b>Tổng</b>                                                                                                                       | <b>13.605.313.000</b>        | <b>16.074.490.000</b>          | <b>12.419.491.000</b>    | <b>3.654.999.000</b> | <b>2.551.079.000</b>         |                          |
| 1        | Nhà Văn hóa, kết hợp phòng tránh thiên tai thôn 2 xã Trà Giác                                                                     | 2.455.346.000                | 2.638.000.000                  | 2.307.129.000            | 330.871.000          | 182.654.000                  | Đã Quyết toán hoàn thành |
| 2        | Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tài đi nhà ông Đồng, nóc ông Lam; từ nhà ông Nhơn đi nhà ông Dương, nóc ông Phòng, thôn 4, xã Trà Giác | 498.468.000                  | 1.012.000.000                  | 420.000.000              | 592.000.000          | 592.000.000                  | Dừng thi công            |
| 3        | Đường GTNT đi nóc ông Mãi thôn 4 xã Trà Giác                                                                                      | 1.517.092.000                | 2.091.000.000                  | 1.334.000.000            | 757.000.000          | 573.908.000                  | QT A-B                   |
| 4        | Đường GTNT đoạn từ đường Đông Trường Sơn đi nóc ông Kim Bưởi, thôn 4, xã Trà Giác                                                 | 632.831.000                  | 693.000.000                    | 632.831.000              | 60.169.000           | 60.169.000                   | Đã Quyết toán hoàn thành |
| 5        | Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tâm đi nhà bà Liễu nóc ông Dế; Từ đường ĐH4 đi nóc ông Hiến, thôn 4, Trà Giác                          | 414.994.000                  | 523.000.000                    | 414.994.000              | 108.006.000          | 108.006.000                  |                          |
| 6        | Nâng cấp CSVC Trường PT DTBT TH Trần Cao Vân, xã Trà Giác                                                                         | 916.968.000                  | 940.000.000                    | 916.968.000              | 23.032.000           | 23.032.000                   |                          |
| 7        | Đường GTNT từ nhà bà Trung đi nóc ông Kỳ, thôn 1, xã Trà Giác                                                                     | 35.176.000                   | 503.000.000                    | 31.742.000               | 471.258.000          | 471.258.000                  | Dừng thi công            |

| Stt | Danh mục công trình                                                   | Khối lượng thực hiện đến nay | Kế hoạch vốn đã bố trí đến nay | Luỹ kế giải ngân đến nay | KH vốn còn lại | KH vốn dư sau khi quyết toán | Ghi chú                             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------|----------------|------------------------------|-------------------------------------|
| 8   | Cánh đồng Tinh dầu thôn 2, xã Trà Tân                                 | 749.269.000                  | 792.000.000                    | 749.269.000              | 42.731.000     | 42.731.000                   | Đã Quyết toán hoàn thành            |
| 9   | Đường GTNT từ đồi ông Thọ đi QL 40B, xã Trà Tân                       | 820.175.000                  | 906.000.000                    | 820.175.000              | 85.825.000     | 85.825.000                   | Đã Quyết toán hoàn thành            |
| 10  | Đường GTNT từ khu di tích UBKTTW đến nhà ông Sura, thôn 2, xã Trà Tân | 528.542.000                  | 619.000.000                    | 528.542.000              | 90.458.000     | 90.458.000                   |                                     |
| 11  | Đường GTNT đi nóc ông Xây thôn 2, xã Trà Tân                          | 581.990.000                  | 603.000.000                    | 581.990.000              | 21.010.000     | 21.010.000                   |                                     |
| 12  | Nâng cấp đường giao thông đoạn trung tâm xã Trà Giác                  | 1.043.061.000                | 1.088.600.000                  | 915.000.000              | 173.600.000    | 45.539.000                   | QT A-B                              |
| 13  | Đường GTNT đoạn nhà Ông Phúc thôn 1, xã Trà Tân                       | 514.489.000                  | 584.000.000                    | 453.000.000              | 131.000.000    | 69.511.000                   | QT A-B                              |
| 14  | Nâng cấp đường giao thông đoạn trung tâm xã Trà Tân                   | 1.022.525.000                | 1.088.890.000                  | 900.000.000              | 188.890.000    | 66.365.000                   | QT A-B                              |
| 15  | Cổng ông Phụ                                                          | 1.040.333.000                | 1.102.000.000                  | 910.492.000              | 191.508.000    | 61.667.000                   | QT A-B                              |
| 16  | Đường GTNTđồi ông Thọ thôn 3 xã Trà Tân                               | 834.054.000                  | 891.000.000                    | 503.359.000              | 387.641.000    | 56.946.000                   | QT A-B                              |
| 17  | Đường GTNT từ trạm y tế xã Trà Giác đến nhà ông Nhơn                  | 0                            | 0                              | 0                        | 0              | 0                            | Chưa phê duyệt nên chưa phân bổ vốn |

**PHỤ LỤC 02.1**  
**BỔ SUNG DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2026 TỪ**  
**NGHỊ QUYẾT 03/NQ-HĐND NGÀY 06/02/2026**

(Kèm theo Tờ trình số        /TTr-UBND ngày        /7/2026 của UBND xã Trà Tân)

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

| Stt      | Tên dự án/ công trình                                         | Địa điểm       | Năm thực hiện | Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND | Tổng mức sau điều chỉnh | Dự kiến TMDT/ Cơ cấu nguồn vốn |                  |                |                | KHV bố trí đợt này |                  |                |          | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------|----------------|---------------|-------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|------------------|----------------|----------------|--------------------|------------------|----------------|----------|---------|
|          |                                                               |                |               |                                     |                         | Tổng                           | NSTW             | NSTP           | NS Xã          | Tổng               | NSTW             | NSTP           | NS Xã    |         |
|          | <b>Bổ sung danh mục Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025</b> |                |               | <b>4.050,000</b>                    | <b>3.404,000</b>        | <b>3.404,000</b>               | <b>1.575,501</b> | <b>975,578</b> | <b>536,408</b> | <b>2.551,079</b>   | <b>1.575,501</b> | <b>975,578</b> | <b>0</b> |         |
| <b>1</b> | Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Linh, thôn Ngọc Giác              | Thôn Ngọc Giác | 2026          | 2.100,000                           | 2.200,000               | 2.200,000                      | 1.021,661        | 658,748        | 203,078        | 1.680,409          | 1.021,661        | 658,748        | 0        |         |
| <b>2</b> | Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác                     | Thôn Ngọc Tu   | 2026          | 1.100,000                           | 354,000                 | 354,000                        | 162,840          | 24,490         | 166,670        | 187,330            | 162,840          | 24,490         | 0        |         |
| <b>3</b> | Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa                | Thôn Nước Oa   | 2026          | 850,000                             | 850,000                 | 850,000                        | 391,000          | 292,340        | 166,660        | 683,340            | 391,000          | 292,340        | 0        |         |



**PHỤ LỤC 03**  
**ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO**  
**NGHỊ QUYẾT 03/NQ HĐND NGÀY 06/02/2026**

(Kèm theo Tờ trình số        /TTr-UBND ngày        /7/2026 của UBND xã Trà Tân)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| Stt | Tên dự án/ công trình                                                                   | Tổng mức đầu tư |            |            | KHV bố trí từ khởi công đến nay |          |            | KHV phân bổ đợt này |           |           | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------|---------------------------------|----------|------------|---------------------|-----------|-----------|---------|
|     |                                                                                         | Tổng số         | Trong đó   |            | Tổng số                         | Trong đó |            | Tổng cộng           | NSTP      | NS Xã     |         |
|     |                                                                                         |                 | NSTP       | NS Xã      |                                 |          | NSTP       |                     |           |           |         |
|     | TỔNG CỘNG                                                                               | 54.989,880      | 18.850,000 | 36.139,880 | 24.628,910                      | -        | 24.628,910 | 8.843,580           | 5.000,000 | 3.843,580 |         |
| I   | DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026                                                           | 32.839,880      | -          | 32.839,880 | 24.628,910                      | -        | 24.628,910 | 2.693,580           | -         | 2.693,580 |         |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên                                      | 2.939,000       |            | 2.939,000  | -                               |          | -          | 1.632,187           |           | 1.632,187 |         |
| 2   | Xây dựng sân bê tông và khu thể dục, thể thao thôn Nước Oa                              | 1.200,000       |            | 1.200,000  | 900,000                         |          | 900,000    | 72,000              |           | 72,000    |         |
| 3   | Nối dài các tuyến kênh thủy lợi cánh đồng Ông Vân, cánh đồng ông Ba Nở, cánh đồng Mẫu 2 | 945,000         |            | 945,000    | 708,750                         |          | 708,750    | 56,700              |           | 56,700    |         |
| 4   | Nâng cấp mặt đường giao thông từ ngã ba cống Ông Mật đến nhà ông Nguyễn Duy Hoà         | 5.500,000       |            | 5.500,000  | 4.875,000                       |          | 4.875,000  | -                   |           |           |         |
| 5   | Tuyến từ cống chào K25 vào KDT Võ Chí Công, Chu Huy Mân                                 | 4.500,000       |            | 4.500,000  | 3.924,000                       |          | 3.924,000  | -                   |           |           |         |
| 6   | Đường GTNT từ ngã ba nhánh 2 nóc ông Phòng đến nóc ông Hiến                             | 2.950,000       |            | 2.950,000  | 2.562,500                       |          | 2.562,500  | -                   |           |           |         |
| 7   | Đường GTNT từ ngã ba ĐH4.BTM đến Nóc Ông Đi (cạnh nhà VH thôn Ngọc Giác)                | 2.015,000       |            | 2.015,000  | 1.511,250                       |          | 1.511,250  | 120,900             |           | 120,900   |         |
| 8   | Đường GTNT từ đường Criem đi nóc ông Hà và xóm ông Dược khu vực Nà Mít                  | 1.065,000       |            | 1.065,000  | 798,750                         |          | 798,750    | 63,900              |           | 63,900    |         |
| 9   | Đường GTNT từ TSD đi nóc ông Thương, bà Thâm (cạnh nhà CA xã mới)                       | 465,000         |            | 465,000    | 348,750                         |          | 348,750    | 27,900              |           | 27,900    |         |
| 10  | Nâng cấp mặt đường từ cầu Taklay đến nóc ông Hoàng thôn Ngọc Tu                         | 2.100,000       |            | 2.100,000  | 1.575,000                       |          | 1.575,000  | 126,000             |           | 126,000   |         |

| Stt | Tên dự án/ công trình                                                        | Tổng mức đầu tư |            |           | KHV bố trí từ khởi công đến nay |          |           | KHV phân bổ đợt này |           |           | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------|---------------------------------|----------|-----------|---------------------|-----------|-----------|---------|
|     |                                                                              | Tổng số         | Trong đó   |           | Tổng số                         | Trong đó |           | Tổng cộng           | NSTP      | NS Xã     |         |
|     |                                                                              |                 | NSTP       | NS Xã     |                                 | NSTP     | NS Xã     |                     |           |           |         |
| 11  | Đường GTNT từ cầu Khe Tân nối tiếp đoạn bê tông đi nóc ông Xây               | 1.752,494       |            | 1.752,494 | 1.314,371                       |          | 1.314,371 | 105,150             |           | 105,150   |         |
| 12  | Hệ thống NSH suối Rác                                                        | 2.187,386       |            | 2.187,386 | 1.640,540                       |          | 1.640,540 | 131,243             |           | 131,243   |         |
| 13  | Kè chống sạt lở khu dân cư bãi Đá Trà Giác đoạn từ nhà ông Sa đến nhà ông Xu | 740,000         |            | 740,000   | 555,000                         |          | 555,000   | 44,400              |           | 44,400    |         |
| 14  | Kè chống sạt lở xóm đồng ruộng thôn Ngọc Giác                                | 720,000         |            | 720,000   | 540,000                         |          | 540,000   | 43,200              |           | 43,200    |         |
| 15  | Kè rọ đá cánh đồng Tinh Dầu (GĐ2)                                            | 2.000,000       |            | 2.000,000 | 1.500,000                       |          | 1.500,000 | 120,000             |           | 120,000   |         |
| 16  | Kè chống sạt lở cánh đồng Mẫu 7 và cánh đồng Mẫu 2 (GĐ1)                     | 2.500,000       |            | 2.500,000 | 1.875,000                       |          | 1.875,000 | 150,000             |           | 150,000   |         |
| II  | DANH MỤC BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2026                                  | 22.150,000      | 18.850,000 | 3.300,000 | -                               | -        | -         | 6.150,000           | 5.000,000 | 1.150,000 |         |
| 17  | Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng                        | 21.000,000      | 17.850,000 | 3.150,000 | -                               | -        | -         | 5.000,000           | 4.000,000 | 1.000,000 |         |
| 18  | Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026                                       | 1.150,000       | 1.000,000  | 150,000   | -                               | -        | -         | 1.150,000           | 1.000,000 | 150,000   |         |